

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRỰC TUYẾN MÔN TOÁN 6

## NĂM HỌC: 2021-2022

Chào các em, hôm nay các em tham khảo kiến thức và giải bài tập nhé!

**TUẦN 2:** Từ 13/9/2021 đến 18 /9/2021

**Tiết 1:**

### Bài 4: **LUỸ THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN**

#### 1. Lũy thừa

Đối với tích của nhiều thừa số bằng nhau ta viết gọn

VD:  $4.4.4.4.4 = 4^5$

➤ Ta gọi  $4^5$  là một lũy thừa.

❖ **Hoạt động khám phá:** Viết gọn các tích sau bằng cách dùng lũy thừa

a)  $5 . 5 . 5 = 5^3$

b)  $7 . 7 . 7 . 7 . 7 . 7 = 7^6$

**Lũy thừa bậc n của a , kí hiệu  $a^n$ , là tích của n thừa số a**

$$a^n = \underbrace{a . a . . . . . a}_{n \text{ thừa số}} \quad (n \text{ khác } 0)$$

n thừa số

Với : a là cơ số; n là số mũ.

\* **Quy ước :**  $a^1 = a$ .

✚  $a^2$  còn được đọc là a bình phương hay bình phương của a.

✚  $a^3$  còn được đọc là a lập phương hay lập phương của a.

❖ **Thực hành 1:** (SGK/ trang 17)

**Trả lời:**

a) Viết các tích sau dưới dạng lũy thừa

$$3 . 3 . 3 = 3^3$$

$$6 . 6 . 6 . 6 = 6^4$$

b) Phát biểu hoàn thiện các câu

$3^2$  còn gọi là **3 lũy thừa 2** hay **lũy thừa bậc 2 của 3**

$5^3$  còn gọi là **5 lũy thừa 3** hay **lũy thừa bậc 3 của 5**

c) Hãy đọc các lũy thừa sau và chỉ rõ cơ số, số mũ :  $3^{10}$ ;  $10^5$

- $3^{10}$  đọc là : 3 mũ 10, 3 lũy thừa 10 hay lũy thừa bậc 10 của 3  
 $3^{10}$  thì 3 là cơ số, 10 là số mũ.
- $10^5$  đọc là 10 mũ 5, 10 lũy thừa 5 hay lũy thừa bậc 5 của 10  
 $\Rightarrow 10^5$  thì 10 là cơ số, 5 là số mũ.

## 2. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số

❖ **Hoạt động khám phá:** Viết tích của hai lũy thừa sau thành một lũy thừa

a)  $3 \cdot 3^3$

b)  $2^2 \cdot 2^4$

**Trả lời:**

a)  $3 \cdot 3^3 = 3 \cdot 3 \cdot 3 \cdot 3 = 3^4$

b)  $2^2 \cdot 2^4 = 2 \cdot 2 \cdot 2 \cdot 2 \cdot 2 = 2^6$

**\* Quy tắc:**

*Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng số mũ:*

$$a^m \cdot a^n = a^{m+n}$$

Ví dụ :  $5^2 \cdot 5^3 = 5^{2+3} = 5^5$

❖ **Thực hành 2:** Các em làm bài thực hành 2 (SGK/ trang 17)

**Trả lời:**

$$3^3 \cdot 3^4 = 3^{3+4} = 3^7$$

$$10^4 \cdot 3^3 = 10^{4+3} = 10^7$$

$$x^2 \cdot x^5 = x^{2+5} = x^7$$

### 3 . Chia hai lũy thừa cùng cơ số:

❖ **Hoạt động khám phá:** Các em đọc và trả lời ( SGK / trang 17)

**Trả lời:**

a) Từ  $5^5 \cdot 5^2 = 5^7$

Suy ra  $5^7 : 5^2 = 5^5$  và  $5^7 : 5^5 = 5^2$

b) Nhận xét: Số mũ của thương bằng hiệu của số mũ số bị chia và số mũ của số chia.

Từ đó ta tính:

$$7^9 : 7^2 = 7^{9-2} = 7^7$$

$$6^5 : 6^3 = 6^{5-3} = 6^2$$

**\* Quy tắc:**

*Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và trừ các số mũ:*

$$a^m : a^n = a^{m-n} \quad (a \neq 0; m \geq n)$$

\* Quy ước:  $a^0 = 1$  ( $a \neq 0$ ).

❖ **Thực hành 3:** ( SGK/trang 17 )

**Trả lời**

a)  $11^7 : 11^3 = 11^{7-3} = 11^4$

$$11^7 : 11^7 = 11^{7-7} = 11^0 = 1$$

$$7^2 \cdot 7^4 = 7^{2+4} = 7^6$$

$$7^2 \cdot 7^4 : 7^3 = 7^{2+4} : 7^3 = 7^6 : 7^3 = 7^{6-3} = 7^3$$

b)  $9^7 : 9^2 = 9^5 \Rightarrow$  **Đúng.**

$$7^{10} : 7^2 = 7^5 \Rightarrow$$
 **Sai.**

( Sửa lại đúng  $7^{10} : 7^2 = 7^{10-2} = 7^8$ .)

$$2^{11} : 2^8 = 2^3 \Rightarrow$$
 **Sai.**

(Sửa lại đúng  $2^{11} : 2^8 = 2^{11-8} = 2^3 = 8$ )

$$5^6 : 5^6 = 5^0 \Rightarrow$$
 **Sai.**

( Sửa lại đúng  $5^6 : 5^6 = 5^{6-6} = 5^0 = 1$ )

**4. Luyện tập:**

Các em làm bài tập 1; 2; 3 ( SGK/trang 18)

Tiết 2 + 3 Bài 5: **THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH****1. Thứ tự thực hiện các phép tính:**❖ **Hoạt động khám phá** : các em đọc và trả lời (SGK/ trang 19)**Trả lời:**

✚ An có kết quả bằng 0 vì An thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

$$6 - 6 : 3 . 2 = 0 : 3 . 2 = 0$$

✚ Bình có kết quả bằng 2 vì Bình thực hiện  $6:3.2$  từ trái sang phải

$$6 - 6 : 3 . 2 = 6 - 2 . 2 = 6 - 4 = 2$$

✚ Chi có kết quả bằng 5 vì Chi thực hiện  $3.2$  trước

$$6 - 6 : 3 . 2 = 6 - 6 : 6 = 6 - 1 = 5$$

➤ **Khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức: (SGK/trang 19)****a) Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:**

\*) Biểu thức chỉ có phép “+”, “-” hoặc phép nhân, chia ta tính từ trái sang phải

VD: Tính  $6 : 3 . 2 = 2 . 2 = 4$

\*) Biểu thức có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện phép tính : **lũy thừa → nhân và chia → cộng và trừ**

VD: Tính  $6 - 6 : 3 . 2 = 6 - 2 . 2 = 6 - 4 = 2$

**b) Đối với biểu thức có dấu ngoặc:** ngoặc tròn ( ), ngoặc vuông [ ], ngoặc nhọn { }➤ **Thực hiện**  $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$ 

VD1: Tính

$$\begin{aligned} & 132 - \{ 100 - [(78 - 73)^2 : 5 + 9] \} \\ &= 132 - \{ 100 - [5^2 : 5 + 9] \} \\ &= 132 - \{ 100 - [25 : 5 + 9] \} \\ &= 132 - \{ 100 - [5 + 9] \} \\ &= 132 - \{ 100 - 14 \} \\ &= 132 - 86 \\ &= 46 \end{aligned}$$

❖ **Thực hành 1:** các em đọc và làm ( SGK/ trang 19)**Trả lời**

$$\begin{aligned}
 \text{a) } & 72 \cdot 19 - 36^2 : 18 \\
 & = 1368 - 1296 : 18 \\
 & = 1368 - 72 \\
 & = 1296.
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{b) } & 750 : \{130 - [(5 \cdot 14 - 65)^3 + 3]\} \\
 & = 750 : \{130 - [(70 - 65)^3 + 3]\} \\
 & = 750 : \{130 - [5^3 + 3]\} \\
 & = 750 : \{130 - [125 + 3]\} \\
 & = 750 : \{130 - 128\} \\
 & = 750 : 2 \\
 & = 375
 \end{aligned}$$

❖ **Thực hành 2:** các em đọc và làm ( SGK/ trang 19)**Trả lời:****Tìm số tự nhiên x**

$$\begin{aligned}
 \text{a) } & (13x - 12^2) : 5 = 5 \\
 & (13x - 144) : 5 = 5 \\
 & (13x - 144) = 5 \cdot 5 \\
 & 13x - 144 = 25 \\
 & 13x = 25 + 144 \\
 & 13x = 169 \\
 & x = 169 : 13 \\
 & x = 13 \\
 \text{b) } & 3x [8^2 - 2 \cdot (2^5 - 1)] = 2022 \\
 & 3x [8^2 - 2 \cdot (2^5 - 1)] = 2022
 \end{aligned}$$

$$3x [ 64 - 2. ( 32 -1)] = 2\,022$$

$$3x [ 64 - 2. 31] = 2\,022$$

$$3x [ 64 - 62] = 2\,022$$

$$3x .2 = 2\,022$$

$$3x = 2\,022 : 2$$

$$x = 1\,011 : 3$$

$$\Rightarrow x = 337$$

## 2. Sử dụng máy tính cầm tay : ( Các em đọc hướng dẫn SGK/trang 20)

GV hướng dẫn HS sử dụng máy tính cầm tay

❖ **Thực hành 3:** Các em sử dụng máy tính cầm tay để tính ( SGK/trang 20)

Trả lời:

$$\text{a) } 93. ( 4327 - 1928) + 2500 = 225\,607$$

$$\text{b) } 5^3. (64.19 + 26.35) - 2^{10} = 264\,726$$

## 3. Luyện tập:

Các em làm bài 1; 2; 3 (SGK/ trang 20; 21 )

**Tiết 4 + 5    Bài 6:    CHIA HẾT và CHIA CÓ DƯ.  
TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG.**

**1. Chia hết và chia có dư:**

❖ **Hoạt động khám phá:** các em làm bài ( SGK/trang 21)

Trả lời

Vì 15 chia 3 được thương là 5 dư 0 => Có thể chia đều 15 quyển vở cho 3 bạn. Mỗi bạn được 5 quyển vở.

Vì 7 chia 3 được thương là 2 dư 1 => Không thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn.

➤ **Kiến thức trọng tâm ( SGK/trang 22)**

+) Kí hiệu:

**a chia hết cho b, kí hiệu     $a : b$**

**a không chia hết cho b, kí hiệu     $a \not: b$**

❖ **Thực hành 1:** ( SGK/trang 22)

Trả lời

a) 255 chia 3 dư 0 ( thương là 85)

157 chia 3 dư 1 ( thương là 52 )

5105 chia 3 dư 2 ( thương là 1701)

b) Ta thấy 17 bạn vào cho 4 xe taxi sẽ dư ra 1 người ( thương là 4)

Vậy không thể sắp xếp cho 17 bạn vào 4 xe taxi.

**2. Tính chất chia hết của một tổng.**

❖ **Hoạt động khám phá 1:** Các em đọc và trả lời (SGK/trang 22)

Trả lời

- Hai số chia hết cho 11 là: 22 và 33.

Ta có  $22 + 33 = 55 : 11$

- Hai số chia hết cho 13 là: 26 và 39

Ta có  $26 + 39 = 65 : 13$



- **Tính chất 1:** ( SGK/ trang 22)

**Nếu  $a : n$  và  $b : n$  thì  $(a+b) : n$**

**VD:** Tổng sau có chia hết cho 7 hay không ?

$$129.7 + 14.2020$$

**Giải**

Vì  $129.7 : 7$  và  $14.2020 : 7$

Nên  $(129.7 + 14.2020) : 7$

 Nhận xét ( SGK/trang22)

- ❖ **Hoạt động khám phá 2:** Các em đọc và trả lời ( SGK/trang 22)

**Trả lời**

-Ta có  $12 : 6$  và  $10 \nmid 6$

$$12 + 10 = 22 \nmid 6$$

$$12 - 10 = 2 \nmid 6$$

- Ta có  $14 : 7$  và  $9 \nmid 7$

$$14 + 9 = 23 \nmid 7$$

$$14 - 9 = 5 \nmid 7$$

- **Tính chất 2:**( SGK/ trang 23)

**Nếu  $a \nmid n$  và  $b : n$  thì  $(a+b) \nmid n$ .**

**VD:** Tổng sau có chia hết cho 15 không ?

$$12.75 + 27$$

**Giải**

Vì  $75 : 15$  và  $27 \nmid 15$

Nên  $(12.75 + 27) \nmid 15$

 Nhận xét ( SGK/trang 23)

**❖ Thực hành 2:** (SGK/trang 23)**Trả lời**

a) - Vì  $1200 : 4$  và  $440 : 4$

Nên  $(1200 + 440) : 4$ .

- Vì  $400 : 4$  và  $324 : 4$

Nên  $(400 - 324) : 4$ .

- Vì  $2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 6 : 4$  và  $27 : 4$

Nên  $(2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 6 + 27) : 4$ .

b) Có  $13 : 5$  và  $17 : 5$  nhưng  $13 + 17 = 30 : 5$ .

**❖ Vận dụng:** (SGK/trang 23)

$$A = 12 + 14 + 16 + x$$

Vì  $12 : 2$ ,  $14 : 2$  và  $16 : 2$

- Để  $A : 2$  thì  $x : 2$ . Vậy  $x$  là các số chẵn
- Để  $A : 2$  thì  $x : 2$ . Vậy  $x$  là các số lẻ.

**3. Luyện tập:**

- Các em làm bài 1; 2 (SGK / trang 23)
- Các em làm bài 3; 4 (SGK/ trang 24)